



## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37 425 888 - Fax : (04) 37 578 666

Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn>

Email: [ttp@kiemtoanttp.com](mailto:ttp@kiemtoanttp.com)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Của **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN QUỐC TẾ KPF**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 5
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	6 – 7
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 – 40

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn dự án quốc tế KPF trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tư vấn dự án Quốc tế KPF (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 12 năm 2016.

*Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KPF CONSULTANT INTERNATIONAL PROJECT JOINT STOCK COMPANY.*

*Tên Công ty viết tắt: KPF INTERNATIONAL, JSC.*

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

*Chi tiết:*

- + *Thẩm tra bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công các công trình;*
- + *Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật;*
- + *Thiết kế các công trình xây dựng bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế các công trình đường bộ; Thiết kế các công trình cấp thoát nước; Thiết kế công trình điện, đường dây và trạm biến áp đến 35KV;*
- + *Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*
- + *Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng);*
- + *Thẩm tra dự án đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình;*
- + *Tư vấn lập dự án đầu tư các công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);*

- Hoàn thiện các công trình xây dựng;

*Chi tiết: Hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật;*

- Vận tải hành khách đường bộ khác;

*Chi tiết: Dịch vụ vận tải hành khách du lịch bằng ô tô;*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

*Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty Kinh doanh;*

- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

*Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị;*

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

*Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu và các sản phẩm trang trí nội ngoại thất công trình;*

- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

*Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp.*

**Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 3, số 48, ngõ 102 Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

**Địa chỉ nhận thông báo thuế:** Tầng 11, số 6 Tôn Thất Thuyết, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

**Vốn điều lệ của Công ty:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 12 năm 2016 là 171.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn./*). Tương đương với 17.160.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 19/01/2017, công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Quốc tế KPF đã chuyển về địa chỉ Tầng 1 – Số 163 Bà Triệu – Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – HN

Ngoài ra, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Dương Minh Đức	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/11/2016
Ông Đoàn Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 17/11/2016
Ông Đoàn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/11/2016
Bà Tạ Thị Dinh	Thành viên HĐQT	
Ông Đặng Quang Thái	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/11/2016
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21/11/2016
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 17/11/2016
Ông Trần Huy Thắng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/05/2016
Ông Nguyễn Hồng Quân	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/05/2016 và miễn nhiệm ngày 21/11/2016
Bà Nguyễn Thị ngọc Thoa	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/11/2016

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Đoàn Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 25/11/2016
Ông Bùi Minh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/05/2016
Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 27/05/2016 và miễn nhiệm ngày 25/11/2016
Ông Vũ Văn Hùng	Kế toán trưởng	

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Hoàng Thị Tuyết Mai	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 24/03/2016
Ông Nguyễn Hồng Quân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/03/2016
Bà Trịnh Thị Hợp	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/03/2016
Bà Trịnh Thị Tuyết	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/03/2016
Ông Phạm Hồng Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/03/2016

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần tư vấn dự án quốc tế KPF đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN QUỐC TẾ KPF**  
**Tầng 3, số 48, ngõ 102 đường Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội**

---

Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông Tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Đoàn Minh Tuấn**



Số : 195/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
của Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF*

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF được lập ngày 31/03/2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày từ trang 08 đến trang 40 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF** tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017*



**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Lê Phương Anh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
Số: 0739-2017-133-1*

**Hoàng Thị Khánh Vân**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0371-2017-133-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>75.450.029.079</b>	<b>52.448.930.659</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>5.228.910.081</b>	<b>22.935.153.224</b>
1. Tiền	111		5.228.910.081	22.935.153.224
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.900.103.458</b>	<b>29.368.201.621</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.02</b>	68.779.635.430	6.558.989.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		94.862.750	50.400.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.05</b>	300.000.000	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.04a</b>	1.550.605.278	23.253.812.300
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.06</b>	(825.000.000)	(495.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>321.015.540</b>	<b>145.575.814</b>
1. Hàng tồn kho	141		321.015.540	145.575.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.10</b>	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>175.916.554.627</b>	<b>132.939.115.715</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.404.842.500</b>	<b>4.815.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.04b</b>	19.404.842.500	4.815.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.282.630.490</b>	<b>1.638.094.367</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.282.630.490	1.638.094.367
- Nguyên giá	222		2.932.448.182	2.879.082.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.649.817.692)	(1.240.988.360)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	<b>155.195.709.978</b>	<b>126.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		122.400.000.000	126.400.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(204.290.022)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.371.659</b>	<b>86.021.348</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	33.371.659	86.021.348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>251.366.583.706</b>	<b>185.388.046.374</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.051.599.475</b>	<b>11.267.697.482</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.365.019.475</b>	<b>10.236.905.482</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	58.448.120.894	2.299.569.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	331.143.851
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.494.571.566	6.606.191.731
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	5.422.327.015	1.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>686.580.000</b>	<b>1.030.792.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	686.580.000	1.030.792.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>183.314.984.231</b>	<b>174.120.348.892</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>183.314.984.231</b>	<b>174.120.348.892</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		171.600.000.000	156.000.000.000
- Cổ phần phổ thông	411A		171.600.000.000	156.000.000.000
- Cổ phần có quyền ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.744.984.231	18.150.348.892
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.550.348.892	1.812.243.189
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.194.635.339	16.338.105.703
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>251.366.583.706</b>	<b>185.388.046.374</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập



Vũ Thị Minh Trang

Kế toán trưởng



Vũ Văn Hùng

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Tuấn

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	103.043.742.446	90.317.444.616
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		103.043.742.446	90.317.444.616
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86.255.695.937	66.043.359.159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.788.046.509	24.274.085.457
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.383.392.627	5.581.527
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	481.828.493	185.064.291
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		277.538.471	185.064.291
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.704.126.386	196.312.809
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	4.292.968.323	3.329.316.585
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		11.692.515.934	20.568.973.299
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.400.000	511.495.073
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.400.000	511.495.073
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.693.915.934	21.080.468.372
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.499.280.595	4.742.362.669
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.194.635.339	16.338.105.703
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	588,59	1.220,99

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập



Vũ Thị Minh Trang

Kế toán trưởng



Vũ Văn Hùng



Tổng Giám đốc

Đoàn Minh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>11.693.915.934</b>	<b>21.080.468.372</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>01</b>		<b>(162.734.802)</b>	<b>1.074.991.842</b>
+ Khấu hao tài sản cố định	02		408.829.332	400.509.078
+ Các khoản dự phòng	03		534.290.022	495.000.000
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.383.392.627)	(5.581.527)
+ Chi phí lãi vay	06		277.538.471	185.064.291
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>11.531.181.132</b>	<b>22.155.460.214</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(65.151.744.337)	19.099.486.597
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(175.439.726)	(135.075.814)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		54.891.841.941	(17.200.918.264)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		52.649.689	(15.593.556)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(277.538.471)	(185.064.291)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.685.335.558)	(459.463.251)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>		<b>(3.814.385.330)</b>	<b>23.258.831.635</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(53.365.455)	(1.049.843.636)
. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của khác	23		(5.800.000.000)	(19.011.461.100)
. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		5.500.000.000	15.885.428.800
. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(44.000.000.000)	
. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		25.000.000.000	
. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.383.392.627	5.581.527
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.969.972.828)</b>	<b>(4.170.294.409)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			3.300.000.000
. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.272.327.015	2.747.756.775
. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.194.212.000)	(2.626.036.846)
. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC</b>	<b>40</b>		<b>4.078.115.015</b>	<b>3.421.719.929</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>22.935.153.224</b>	<b>424.896.069</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>5.228.910.081</b>	<b>22.935.153.224</b>

Người lập



Vũ Thị Minh Trang

Kế toán trưởng



Vũ Văn Hùng

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Tuấn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn dự án Quốc tế KPF (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 12 năm 2016.

*Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KPF CONSULTANT INTERNATIONAL PROJECT JOINT STOCK COMPANY.*

*Tên Công ty viết tắt: KPF INTERNATIONAL.,JSC.*

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

#### *Chi tiết:*

- + *Thẩm tra bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công các công trình;*
  - + *Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật;*
  - + *Thiết kế các công trình xây dựng bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế các công trình đường bộ; Thiết kế các công trình cấp thoát nước; Thiết kế công trình điện, đường dây và trạm biến áp đến 35KV;*
  - + *Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*
  - + *Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng);*
  - + *Thẩm tra dự án đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình;*
  - + *Tư vấn lập dự án đầu tư các công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);*
  - Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Chi tiết: Hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật;*
- Vận tải hành khách đường bộ khác;



*Chi tiết: Dịch vụ vận tải hành khách du lịch bằng ô tô;*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

*Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty Kinh doanh;*

- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

*Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị;*

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

*Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu và các sản phẩm trang trí nội ngoại thất công trình;*

- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

*Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp.*

**Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 3, số 48, ngõ 102 Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

**Địa chỉ nhận thông báo thuế:** Tầng 11, số 6 Tôn Thất Thuyết, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

**Vốn điều lệ của Công ty:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 12 năm 2016 là 171.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn./.*). Tương đương với 17.160.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

## I. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy vi tính.

#### **4. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 13/10/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

##### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại thời 31/12/2016 các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

##### **1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Nguyên vật liệu và hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, thành phẩm được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và hàng hóa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

### **4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:**

**4.1. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hoá đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

**4.2. Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hoá đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch,

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở khoản chi phí đầu tư để có được quyền sử dụng đất hợp pháp và các chi phí liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (nếu có) và lệ phí trước bạ.

**5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-30 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

## 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

### 6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

### 6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- **Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu tư} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{cổ} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

**- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá đầu tư} \\ \text{chứng} \\ \text{khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoản bị giảm giá tại} \\ \text{thời điểm lập Báo} \\ \text{cáo tài chính riêng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản hạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

**- Đối với chứng khoán đã niêm yết:**

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

**- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:**

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:**

*Chi phí trả trước ngắn hạn* : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Chi phí trả trước dài hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn ;
- Các chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí chỉ là lãi vay phải trả, chi phí khác...

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối mỗi kỳ kế toán. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp (hoặc được hoàn nhập ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp) của kỳ kế toán đó. Riêng đối với dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng, dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí chung.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và số đã lập lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập được ghi nhận vào thu nhập khác (hoặc ghi nhận vào chi phí sản xuất chung).

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

**Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:** Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:** Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### 13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

**Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ

khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### 14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

14.2. *Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

14.3. *Doanh thu Hợp đồng xây dựng*: Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

14.4. *Doanh thu hoạt động tài chính*: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

##### Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;



- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: Cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	1.032.649.536	2.458.794.604
- Tiền gửi tại ngân hàng	4.196.260.545	20.476.358.620
+ Tiền gửi VND	4.196.260.545	20.476.358.620
- Ngân hàng TMCP Tiền Phong	1.678.998	20.410.000.873
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	4.163.840.037	27.487.909
- Các Ngân hàng khác	30.741.510	38.869.838
<b>Cộng</b>	<b>5.228.910.081</b>	<b>22.935.153.224</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Hợp tác xã PT nông nghiệp sạch Chân Lý	1.650.000.000	825.000.000	1.650.000.000	495.000.000
Công ty TNHH XNK vật tư máy mô Gia Hưng	-	-	1.373.487.000	-
Công ty cổ phần gạch nhẹ Phúc Sơn	3.182.834.225	-	907.997.821	-
Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại Hưng Thịnh	208.411.909	-	1.463.987.500	-
Công ty CP thương mại và xây dựng Trần Nguyên	-	-	1.133.517.000	-
Công ty TNHH Nhấn Hồng Ngọc Việt (*)	9.130.280.000	-	-	-
Công ty TNHH đầu tư sản xuất kỹ thương Huy Hoàng (**)	47.123.101.222	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Phú Bình	1.243.549.400	-	-	-
Công ty ĐT hạ tầng và đô thị Viglacera	1.065.348.248	-	-	-
Phải thu của khách hàng khác	5.176.110.426	-	30.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>68.779.635.430</b>	<b>825.000.000</b>	<b>6.558.989.321</b>	<b>495.000.000</b>

(\*) Theo Hợp đồng mua bán số 068/2016/HĐMB/KPF - NV ngày 15/05/2016: Công ty CP Tư vấn dự án Quốc tế KPF bán cho Công ty TNHH Nhấn Hồng Ngọc Việt gạo các loại theo thỏa thuận của 2 bên tùy theo từng thời điểm bàn giao hàng. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 15/05/2016 đến ngày 31/12/2016.

(\*) Theo Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 2016/HH ngày 25/11/2016: Công ty CP Tư vấn dự án Quốc tế KPF bán cho Công ty TNHH ĐT Sản xuất kỹ thương Huy Hoàng sắt thép các loại bao gồm: Thép do nhà máy thép tại Thái Nguyên sản xuất (Tisco, NSV); thép Việt Trì (SHS), tại Vĩnh Phúc (VGS), thép theo tiêu chuẩn JIS G3112, cụ thể theo từng thời điểm bàn giao hàng; Số lượng: từ 80 - 150 tấn. Thời hạn thanh toán: thanh toán 100% ngay sau khi nhận hàng và hóa đơn nhưng không chậm hơn 30/9/2017.

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.550.605.278</b>	-	<b>23.253.812.300</b>	-
- Phải thu bảo hiểm	1.218.750	-	-	-
- Dự nợ phải trả khác	-	-	666.800	-
- Tạm ứng	378.000.000	-	7.847.100.000	-
- Phải thu khác	1.171.386.528	-	15.406.045.500	-
+ Công ty CP Đầu tư Tam Hà	-	-	10.300.000.000	-
+ Công ty CP Gạch nhẹ Phúc Sơn	1.143.766.528	-	2.316.342.500	-
+ Nguyễn Huy Quang	-	-	2.500.000.000	-
+ Các đối tượng khác	27.620.000	-	289.703.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>19.404.842.500</b>	-	<b>4.815.000.000</b>	-
- Phải thu khác	19.404.842.500	-	4.815.000.000	-
+ Công ty CP Gạch nhẹ Phúc Sơn	2.946.842.500	-	-	-
+ HTX PTNN sạch Chân Lý	150.000.000	-	-	-
+ Phải thu cá nhân(*)	16.308.000.000	-	4.815.000.000	-
+ Nguyễn Huy Quang	6.205.000.000	-	2.815.000.000	-
+ Hoàng Văn Minh	3.103.000.000	-	-	-
+ Trần Ngọc Tú	5.000.000.000	-	-	-
+ Vũ Văn Quảng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.955.447.778</b>	-	<b>28.068.812.300</b>	-

(\*) Đây là khoản ứng cho các cá nhân phục vụ công tác khai thác tìm kiếm dự án theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 10/2016/NQ-HĐQT (V/v: Phê duyệt hạn mức tạm ứng cho nhân viên Công ty) ngày 05/01/2016. Đến thời điểm 24/03/2017, các cá nhân này đã hoàn trả lại tiền cho công ty số tiền 15.863.000.000 VND.

**Số dư với các bên liên quan**

Đơn vị tính: VND

	Công ty liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Tam Hà				10.300.000.000	

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>300.000.000</b>	-	-	-
Công ty CP đầu tư Tam Hà	300.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	-	-	-

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi tiết</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>825.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.155.000.000</b>
Hợp tác xã PT nông nghiệp sạch Chân Lý	1.650.000.000	825.000.000	1.650.000.000	1.155.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>825.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.155.000.000</b>

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	321.015.540	-	145.575.814	-
<b>Cộng</b>	<b>321.015.540</b>	<b>-</b>	<b>145.575.814</b>	<b>-</b>

- \* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND
- \* Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: 0 VND.
- \* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

Đơn vị tính: VND

NỘI DUNG	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm	2.879.082.727		2.879.082.727
Số tăng trong kỳ	-	53.365.455	53.365.455
- Mua sắm, xây dựng mới		53.365.455	53.365.455
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.879.082.727	53.365.455	2.932.448.182
<b>HAO MÒN TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm	1.240.988.360		1.240.988.360
Số tăng trong kỳ	408.829.332	-	408.829.332
- Do trích khấu hao	408.829.332		408.829.332
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.649.817.692	-	1.649.817.692
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	1.638.094.367	-	1.638.094.367
Số dư cuối kỳ	1.229.265.035	53.365.455	1.282.630.490

- Giá trị còn lại của tài sản đem cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2016 là: 1.229.265.035 VND
- Nguyên giá tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là: 636.075.455 VND.

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
				Dự phòng	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	122.400.000.000	204.290.022	122.195.709.978	126.400.000.000	126.400.000.000
- Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị Phú Gia Hà Nam			-	48.000.000.000	48.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	39.200.000.000		39.200.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam	39.200.000.000	204.290.022	38.995.709.978	39.200.000.000	39.200.000.000
- Công ty CP Đầu tư nông nghiệp Hà Nam	44.000.000.000		44.000.000.000	-	-
<b>Đầu tư khác</b>	33.000.000.000	-	33.000.000.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị Phú Gia Hà Nam	23.000.000.000		23.000.000.000		
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	5.000.000.000		5.000.000.000		
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam	5.000.000.000		5.000.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>155.400.000.000</b>	<b>204.290.022</b>	<b>155.195.709.978</b>	<b>126.400.000.000</b>	<b>126.400.000.000</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**  
Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà (1)	Số 12, ngõ 223 đường Trường Chinh, phường Hai Bà Trưng, TP. Phú Lý, tỉnh Hà Nam.	49,00%	49,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Phá dỡ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng.

- Công ty CP Phú Gia Hà Nam (2)	Xóm 4 Trạm Xáy, thôn Hồng Lý, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.	49,00%	49,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; quặng sắt; Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng....
Công ty Cổ phần đầu tư nông nghiệp Hà Nam (1)	Bến Nhật Tảo, Xã Chân lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	44,00%	44,00%	- Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ tre nứa) và động vật sống; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Xử lý hạt giống để nhân giống; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đầu;...
<b>Tên Công ty đầu tư khác</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ quyền kiểm soát</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị Phú Gia	Số 10, ngách 90/19 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.	12,78%	12,78%	Khai thác và thu gom than non, than bùn, than cứng; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu....
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Số 12, ngõ 223 đường Trường Chinh, phường Hai Bà Trưng, TP. Phú Lý, tỉnh Hà Nam.			
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam	Xóm 4 Trạm Xáy, thôn Hồng Lý, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.			

(1) Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Quốc tế KPF không có lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư và công ty liên kết do các công ty liên kết này tuy có lãi nhưng không thực hiện phân chia lợi nhuận.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn	-	
<b>b. Dài hạn</b>	33.371.659	86.021.348
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	33.371.659	86.021.348
<b>Cộng</b>	<b>33.371.659</b>	<b>86.021.348</b>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>58.448.120.894</b>	<b>58.448.120.894</b>	<b>2.299.569.900</b>	<b>2.299.569.900</b>
Doanh nghiệp tư nhân Đức Lượng	1.563.712.972	1.563.712.972		
Doanh nghiệp tư nhân sắt thép 27-7 (1)	19.502.363.260	19.502.363.260		
Công ty TNHH một thành viên Xuân Phát (2)	7.650.400.000	7.650.400.000		-
Công ty TNHH thương mại Vân Cường (3)	25.886.217.248	25.886.217.248		-
Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Hưng Thịnh	1.382.000.000	1.382.000.000		-
Các khách hàng khác	2.463.427.414	2.463.427.414	2.299.569.900	2.299.569.900
<b>Cộng</b>	<b>58.448.120.894</b>	<b>58.448.120.894</b>	<b>2.299.569.900</b>	<b>2.299.569.900</b>

(1): Theo hợp đồng nguyên tắc được ký kết giữa DNTN Sắt thép 27 - 7 và Công ty CP Tư vấn Dự án Quốc tế KPF ngày 25/11/2016: DNTM Sắt thép 27 - 7 sẽ bán cho KPF các loại thép cán nhãn hiệu Tisco, NSV do các nhà máy sản xuất theo TCVN. Số lượng và giá cả thống nhất theo từng thời điểm lấy hàng. Thời hạn thanh toán chậm nhất 90 ngày kể từ ngày DNTN Sắt thép 27-7 xuất hóa đơn GTGT cho KPF.

(2): Theo Hợp đồng mua bán số 0105/2016/HĐMB/KPF - XP ngày 01/05/2016 giữa Công ty TNHH MTV Xuân Phát và Công ty CP Tư vấn dự án Quốc tế KPF: Công ty TNHH MTV Xuân Phát sẽ bán gạo cho KPF gạo các loại, số lượng và đơn giá từng loại sẽ theo từng đơn đặt hàng cụ thể.

(3): Theo hợp đồng nguyên tắc được ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại Vân Cường và Công ty CP Tư vấn Dự án Quốc tế KPF ngày 25/11/2016: Công ty TNHH Thương mại Vân Cường sẽ bán cho KPF các loại thép cán nhãn hiệu Tisco, NSV do các nhà máy sản xuất theo TCVN. Số lượng và giá cả thống nhất theo từng thời điểm lấy hàng. Hợp đồng có giá trị pháp lý đến hết ngày 31/12/2017.

**Số dư Phải trả các bên liên quan:**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Công ty liên kết</b>				
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	21.780.000	21.780.000	160.720.000	160.720.000
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam			245.000.000	245.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.780.000</b>	<b>21.780.000</b>	<b>405.720.000</b>	<b>405.720.000</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT phải nộp	1.857.682.608	1.386.547.461	2.438.960.663	805.269.406
Thuế TNDN	4.748.437.123	2.499.280.595	4.685.335.558	2.562.382.160
Thuế thu nhập cá nhân	72.000	21.370.193	21.442.193	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		712.264.975	585.344.975	126.920.000
<b>Cộng</b>	<b>6.606.191.731</b>	<b>3.910.198.249</b>	<b>7.734.083.389</b>	<b>3.494.571.566</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>5.422.327.015</b>	<b>5.422.327.015</b>	<b>7.272.327.015</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	1.400.000.000	2.400.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	4.195.327.015	4.195.327.015	4.195.327.015	-	-	-
Vay cá nhân	-	-	-	-	-	-
- Đặng Quang Thái	1.227.000.000	1.227.000.000	1.227.000.000	-	-	-
- Vay cá nhân ngắn hạn (Ông Đoàn Minh Tuấn)	-	-	450.000.000	450.000.000	-	-
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>686.580.000</b>	<b>686.580.000</b>	<b>-</b>	<b>344.212.000</b>	<b>1.030.792.000</b>	<b>1.030.792.000</b>
- Vay Ngân hàng	686.580.000	686.580.000	-	344.212.000	1.030.792.000	1.030.792.000
+ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	489.080.000	489.080.000	-	146.712.000	635.792.000	635.792.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	197.500.000	197.500.000	-	197.500.000	395.000.000	395.000.000
- Vay cá nhân dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.108.907.015</b>	<b>6.108.907.015</b>	<b>7.272.327.015</b>	<b>3.194.212.000</b>	<b>2.030.792.000</b>	<b>2.030.792.000</b>

**Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 31/12/2016:**

**Vay ngắn hạn NGÂN HÀNG TMCP VIETCOMBANK - CHI NHÁNH HOÀNG MAI**

- *Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/HĐTD/VCB.HGM-KPF ngày 30/08/2016*
  - *Hạn mức cho vay có giá trị tối đa: 4.200.000.000 VND;*
  - *Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: là 3 kỳ và mỗi kỳ kéo dài 12 tháng;*
  - *Lãi suất cho vay: được quy định tại từng giấy nhận nợ;*
  - *Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;*
  - *Phương thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản của bên thứ ba là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên của vợ chồng Ông Đoàn Minh Tuấn và Bà Nguyễn Thanh Hoa với tổng giá trị theo hợp đồng thế chấp là: 2.857.000.000 VND*
- Dư gốc vay tại 31/12/2016 là: 4.195.327.015 VND*

**Vay dài hạn NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT**

**Hợp đồng tín dụng số OD15016/HĐTD ngày 07/4/2015**

- *Hạn mức cho vay: 733.600.000 VND.*
  - *Thời hạn cấp hạn mức: 60 tháng kể từ ngày 07/4/2015.*
  - *Lãi suất cho vay: 8,2%/năm trong năm đầu tiên. Từ năm thứ 2, lãi suất cho vay = lãi suất huy động tiết kiệm cao nhất + biên độ 3,5%/năm.*
  - *Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Fortuner V Sport tivo 4x2 theo Hợp đồng mua bán xe số TVM - K - TTX - 04420215 ký ngày 02/3/2015 giữa Công ty CP Tư vấn Dự án Quốc tế KPF (Bên mua) và Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân (Bên bán).*
- Phương thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp Tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của công ty*
- *Dư gốc vay tại 31/12/2016 là: 489.080.000 VND*

**Vay dài hạn NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á - CHI NHÁNH CẦU GIẤY**

**Hợp đồng tín dụng số 68.13.48/HĐTD ngày 22/10/2013**

- *Hạn mức cho vay: 790.000.000 VND.*
  - *Thời hạn cấp hạn mức: 48 tháng kể từ ngày giải ngân (từ tháng 10 năm 2013 đến tháng 10 năm 2017).*
  - *Lãi suất cho vay: Được tính bằng lãi suất tiết kiệm cao nhất + biên độ 4%/năm.*
  - *Mục đích: Thanh toán tiền mua xe Xe ô tô CR - V2.4LAT.*
- Phương thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay là Xe ô tô CR - V2.4LAT mới 100%.*
- *Dư gốc vay tại 31/12/2016 là: 197.500.000 VND*

## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000		1.812.243.189	31.812.243.189
Vốn tăng trong năm trước	126.000.000.000			126.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước			16.338.105.703	16.338.105.703
Giảm vốn trong năm		(30.000.000)		(30.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>156.000.000.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>18.150.348.892</b>	<b>174.120.348.892</b>
Số dư đầu năm nay	156.000.000.000	(30.000.000)	18.150.348.892	174.120.348.892
Vốn tăng trong kỳ	15.600.000.000		(15.600.000.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ			9.194.635.339	9.194.635.339
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>171.600.000.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>11.744.984.231</b>	<b>183.314.984.231</b>

(\*): Vốn tăng trong năm do phân phối từ lợi nhuận sau thuế cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/10/2016

a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn góp của cổ đông khác	171.600.000.000	156.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>171.600.000.000</b>	<b>156.000.000.000</b>

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	156.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	15.600.000.000	126.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	171.600.000.000	156.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

### d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.160.000	15.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.160.000	15.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.160.000	15.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.160.000	15.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.160.000	15.600.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO  
KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>103.043.742.446</b>	<b>90.317.444.616</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	98.511.902.894	80.489.619.815
- Doanh thu dịch vụ tư vấn	4.531.839.552	9.827.824.801
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>103.043.742.446</b>	<b>90.317.444.616</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hóa	86.255.695.937	66.043.359.159
- Giá vốn dịch vụ tư vấn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>86.255.695.937</b>	<b>66.043.359.159</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.392.627	5.581.527
- Lãi thu từ chuyển nhượng cổ phần	1.250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.383.392.627</b>	<b>5.581.527</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	277.538.471	185.064.291
- Trích lập dự phòng/hoàn nhập dự phòng đầu tư	204.290.022	-
<b>Cộng</b>	<b>481.828.493</b>	<b>185.064.291</b>

**5. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	30.081.791.763
- Chi phí nhân công	1.588.821.157	505.070.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	408.829.332	196.094.412
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	125.961.299	-
- Thuế phí và lệ phí	7.727.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.575.027.753	382.569.599
- Chi phí khác bằng tiền	960.728.168	191.886.900
- Chi phí dự phòng	330.000.000	495.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.997.094.709</b>	<b>31.852.412.674</b>

<b>Trong đó bao gồm</b>		
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Chi phí nhân công	1.588.821.157	1.099.260.200
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	408.829.332	400.509.078
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	125.961.299	
- Thuế, phí và lệ phí	7.727.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	873.842.276	679.116.290
- Chi phí khác bằng tiền	957.787.259	655.431.017
- Chi phí dự phòng	330.000.000	495.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.292.968.323</b>	<b>3.329.316.585</b>
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.701.185.477	154.831.355
- Chi phí khác bằng tiền	2.940.909	41.481.454
<b>Cộng</b>	<b>1.704.126.386</b>	<b>196.312.809</b>
<b>6. THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu bán chuỗi		507.066.002
Thu nhập khác	1.400.000	4.429.071
<b>Cộng</b>	<b>1.400.000</b>	<b>511.495.073</b>
<b>7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
<b>Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>11.693.915.934</b>	<b>21.080.468.372</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	802.487.041	475.725.578
Các khoản điều chỉnh tăng	802.487.041	475.725.578
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	802.487.041	475.725.578
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	12.496.402.975	21.556.193.950
Thuế suất hiện hành	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.499.280.595	4.742.362.669
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.499.280.595</b>	<b>4.742.362.669</b>
<b>9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.194.635.339	16.338.105.703
Các khoản điều chỉnh :	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.194.635.339	16.338.105.703
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.621.370	13.380.989
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>588,59</b>	<b>1.220,99</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Trong năm 2016, Công ty thực hiện tăng vốn từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2016 ngày 21 tháng 10 năm 2016. Số tiền là: 15.600.000.000 đồng. Do vậy, khoản tăng vốn tương ứng không được thể hiện trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Trong năm 2016, Công ty thực hiện đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Hà và Công ty CP Phú Gia Hà Nam số tiền 10.000.000.000 VND thông qua đối trừ công nợ phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Hà. Do vậy, khoản tiền tương ứng không được thể hiện trên khoản mục chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.228.910.081		22.935.153.224	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.735.083.208	825.000.000	34.627.801.621	495.000.000
Các khoản cho vay	300.000.000		-	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>95.263.993.289</b>	<b>825.000.000</b>	<b>57.562.954.845</b>	<b>495.000.000</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Vay và nợ			6.108.907.015	2.030.792.000
Phải trả người bán, phải trả khác			58.448.120.894	2.299.569.900
<b>Cộng</b>			<b>64.557.027.909</b>	<b>4.330.361.900</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.228.910.081			5.228.910.081
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.330.240.708	19.404.842.500		89.735.083.208
Các khoản cho vay	300.000.000			300.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-			-
<b>Cộng</b>	<b>75.859.150.789</b>	<b>19.404.842.500</b>	<b>-</b>	<b>95.263.993.289</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.935.153.224			22.935.153.224
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.812.801.621	4.815.000.000		34.627.801.621
Các khoản cho vay	-			-
Đầu tư ngắn hạn	-			-
<b>Cộng</b>	<b>52.747.954.845</b>	<b>4.815.000.000</b>	<b>-</b>	<b>57.562.954.845</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	5.422.327.015	686.580.000		6.108.907.015
Phải trả NB, phải trả khác	58.448.120.894			58.448.120.894
Chi phí phải trả	-			-
<b>Cộng</b>	<b>63.870.447.909</b>	<b>686.580.000</b>	<b>-</b>	<b>64.557.027.909</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.000.000.000	1.030.792.000		2.030.792.000
Phải trả NB, phải trả khác	2.299.569.900			2.299.569.900
Chi phí phải trả	-			-
<b>Cộng</b>	<b>3.299.569.900</b>	<b>1.030.792.000</b>	<b>-</b>	<b>4.330.361.900</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Từ ngày 19/01/2017, công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Quốc tế KPF đã chuyển địa chỉ về Tầng 1 – Số 163 Bà Triệu – Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – HN. Ngoài ra, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	103.043.742.446	103.043.742.446
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>103.043.742.446</b>	<b>103.043.742.446</b>
Chi phí bộ phận	86.255.695.937	86.255.695.937
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>16.788.046.509</b>	<b>16.788.046.509</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>		<b>5.997.094.709</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		10.790.951.800
Doanh thu hoạt động tài chính		1.383.392.627
Chi phí tài chính		481.828.493
Chi phí khác		-
Thuế TNDN hiện hành		2.499.280.595
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>9.194.635.339</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



#### 4. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>Mua hàng</b>		<b>2.137.977.000</b>	<b>3.664.303.000</b>
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam	Công ty liên kết	415.630.000	1.302.392.200
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Công ty liên kết	1.722.347.000	1.059.518.600
<b>Cho vay vốn kinh doanh</b>		<b>-</b>	<b>75.500.000.000</b>
- Công ty cổ phần Phú Gia Hà Nam	Công ty liên kết		34.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Công ty liên kết		41.200.000.000

Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
<b>- Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>6.620.000</b>	<b>10.300.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Công ty liên kết		10.300.000.000
<b>- Phải trả người bán</b>		<b>21.780.000</b>	<b>405.720.000</b>
Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Công ty liên kết	21.780.000	160.720.000
Công ty CP Phú Gia Hà Nam	Công ty liên kết		245.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị năm 2016 là: 125.448.000 VND

#### 5. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	69,98%	71,71%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	30,02%	28,29%
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,07%	6,08%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	72,93%	93,92%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	3,69	16,45
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,12	5,12
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,08	2,24
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	11,20%	23,21%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	8,80%	17,99%

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,35%	11,37%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,21%	8,81%
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	5,14%	9,38%

## 6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASC kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập



Vũ Thị Minh Trang

Kế toán trưởng



Vũ Văn Hùng

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Tuấn

